Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8530.90.00

Mã HS	8530.90.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị điện phát tín hiệu thông tin, bảo đảm an toàn hoặc điều khiển giao thông, dùng cho đường sắt, đường tàu điện, đường bộ, đường thủy nội địa, điểm dừng đỗ, cảng hoặc sân bay (trừ loại thuộc nhóm 86.08) / - Bộ phận
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 15:37:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85309000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15696
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15696
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15696
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15026
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14958
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14958
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14958
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14958
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14958
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14958
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15012
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15012

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15012
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15012
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15012
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15012
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15013
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15013
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15013
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15013
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15013
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15013
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15016
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14964
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14972
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14972
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14972
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14972
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14972
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14972
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15012
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15012
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15012
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15012
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15012
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15012
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15067
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15067

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15067
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15067
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15067
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15067
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15046
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15046
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15046
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15046
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15046
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15046
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15044
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15044
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15044
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15044
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15044
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15044
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15050
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15050
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15050
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15050
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15050
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15050
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15049
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15049
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15049
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15049

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15049
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15049
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15042
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15042
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15042
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15042
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15042
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15042
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15042
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15037
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15037
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15037
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15037
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15037
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15037
RCEP B	2022	2022	0	B!D15037
RCEP B	2023	2023	0	B!E15037
RCEP B	2024	2024	0	B!F15037
RCEP B	2025	2025	0	B!G15037
RCEP B	2026	2026	0	B!H15037
RCEP B	2027	2027	0	B!I15037
RCEP C	2022	2022	0	C!D15037
RCEP C	2023	2023	0	C!E15037
RCEP C	2024	2024	0	C!F15037
RCEP C	2025	2025	0	C!G15037
RCEP C	2026	2026	0	C!H15037

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15037
RCEP D	2022	2022	0	D!D15036
RCEP D	2023	2023	0	D!E15036
RCEP D	2024	2024	0	D!F15036
RCEP D	2025	2025	0	D!G15036
RCEP D	2026	2026	0	D!H15036
RCEP D	2027	2027	0	D!I15036
RCEP E	2022	2022	0	E!D15040
RCEP E	2023	2023	0	E!E15040
RCEP E	2024	2024	0	E!F15040
RCEP E	2025	2025	0	E!G15040
RCEP E	2026	2026	0	E!H15040
RCEP E	2027	2027	0	E!I15040
RCEP F	2022	2022	0	F!D15037
RCEP F	2023	2023	0	F!E15037
RCEP F	2024	2024	0	F!F15037
RCEP F	2025	2025	0	F!G15037
RCEP F	2026	2026	0	F!H15037
RCEP F	2027	2027	0	F!I15037
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14010
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14010
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14010
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14010

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8530.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8530.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15696), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.